

CÔNG TY TNHH HTV T&T VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HTV T&T VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTV T&T VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703141190

3. Ngày thành lập: 19/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

85/12 đường 30/4, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0985821820

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng. Lắp đặt hệ thống camera, tổng đài điện thoại, thiết bị chống sét, hệ thống âm thanh, hệ thống chữa cháy.	4329
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán mô tô, xe máy	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại.	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không hoạt động trụ sở)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Không hoạt động trụ sở)	4631
12.	Bán buôn đồ uống	4633

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Bán buôn nước hoa hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán phần mềm tin học	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện tử, thiết bị bưu chính, thiết bị phát, thiết bị truyền hình, thiết bị tin học, thẻ điện thoại, thẻ internet.	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống báo cháy, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, camera, tổng đài điện thoại, thiết bị chống sét	4659
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, hướng dẫn vận hành: Thiết bị điện tử, thiết bị bưu chính, thiết bị phát, thiết bị truyền hình	9511
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Thiết kế hệ thống mạng vi tính	6202
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán)	6619
21.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tái chính kế toán)	7020
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh vực lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cơ điện công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đầu thầu. Thiết kế kiến trúc công trình	7110
23.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
24.	Quảng cáo	7310
25.	Cho thuê xe có động cơ	7710
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Không hoạt động tại trụ sở)	1010
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở)	1020
29.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở)	1030

30.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Không hoạt động tại trụ sở)	1050
31.	In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan)	1811
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Sản xuất sắt, thép, gang (Không hoạt động tại trụ sở)	2410
34.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không hoạt động tại trụ sở)	2420
35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2511
36.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2512
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2592
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (Không hoạt động tại trụ sở)	5510
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
41.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
42.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học	5820
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê thiết bị bưu chính - viễn thông, thiết bị điện - điện tử - tin học	7730
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, hướng dẫn vận hành: Thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống báo cháy, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng	3312
45.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Không hoạt động tại trụ sở)	3600
46.	Thoát nước và xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở)	3700
47.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Không hoạt động tại trụ sở)	3900
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Xây dựng công trình thủy	4291
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
60.	Phá dỡ	4311
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
62.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: lắp đặt thiết bị điện tử, thiết bị bưu chính, thiết bị phát, thiết bị truyền hình, thiết bị tin học, thiết bị cơ điện lạnh.	4321(Chính)

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THANH HÀ	Việt Nam	Thôn 4, Xã Trà Bui, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	1.500.000.000	10,000	049094003633	
2	PHAN THỊ TRANG	Việt Nam	357/14 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	13.500.000.000	90,000	066189000376	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN THỊ TRANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 066189000376

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 357/14 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 357/14 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương